

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm quản lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 37/TT-STC ngày 01 tháng 10 năm 2025, Báo cáo số 111/BC-STC ngày 20 tháng 10 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2025. Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*được tiếp tục áp dụng tại số thứ tự 55 mục VII Phụ lục Quyết định quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*) hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP; các phòng, ban, đơn vị;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH_{VTĐ}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

QUY CHẾ

Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia (sau đây gọi tắt là CSDL) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và các cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, thống nhất; chính xác số liệu của toàn tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện đăng ký trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 3. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản công vào CSDL

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện cập nhật dữ liệu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý thống nhất, bao gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng;

d) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước;

đ) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo gửi Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính rà soát, cập nhật thông tin, duyệt dữ liệu của tài sản công phải báo cáo kê khai thuộc phạm vi quản lý đối với báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công khi có xác nhận của Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

1. Hàng năm các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công; cơ quan quản lý chuyên ngành; các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3 quy chế này hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

a) Đối với các tài sản quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 3 Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 và khoản 8 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; các quy định khác có liên quan.

b) Đối với các tài sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Quản lý sử dụng tài sản công; Điều 24 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Điều 29 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Điều 34 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý chợ; các quy định khác có liên quan.

c) Đối với các tài sản quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; các quy định khác có liên quan.

3. Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm, cụ thể như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên (nếu có) trước ngày 31 tháng 01;

b) Cơ quan cấp trên (sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã) lập báo cáo gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính đối với các tài sản quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 3 Quy chế; qua Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương đối với các tài sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy chế) tổng hợp trước ngày 28 tháng 02;

c) Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương theo nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân công lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 3, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

4. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc chốt số liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia để báo cáo vào ngày 28 tháng 02 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không lập báo cáo tăng, giảm tài sản của năm báo cáo, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Phối hợp trong việc lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, mở rộng, khai thác, xử lý tài sản công

1. Đối với việc lập dự toán mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc lập dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng dự toán mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công phải căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan, lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét (hồ sơ trình cần thuyết minh chi tiết về tiêu chuẩn, định mức, sự cần thiết, lý do thực hiện,... của tài sản cần mua sắm thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công), trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản công; phê duyệt Đề án khai thác, xử lý tài sản công chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành

theo thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện, phê duyệt Đề án khai thác, xử lý tài sản công đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Trường hợp cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản công tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 6. Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, sửa chữa tài sản công

1. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

2. Sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản công đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định.

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin trong công tác xử lý tài sản công

1. Khi có tài sản công đề nghị xử lý (thu hồi; điều chuyển; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại), cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công lập văn bản đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) rà soát, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công của tỉnh Quảng Ngãi xem xét, quyết định.

2. Sau khi có Quyết định xử lý tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong CSDL và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 8. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản công in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính

a) Rà soát, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu tài sản trong Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

b) Tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 1 và khoản 8 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý đối với những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập báo cáo kê khai, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Rà soát, xác nhận số liệu các báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn.

b) Tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Xây dựng:

a) Rà soát, xác nhận số liệu các báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Sở Công Thương:

a) Rà soát, xác nhận số liệu các báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

b) Tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Các sở, ban, ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản công đã có xác nhận đến Sở Tài chính.

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Tài chính và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

a) Báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản công gửi cơ quan quản lý cấp trên xác nhận (*đối với các đơn vị trực thuộc*), cơ quan quản lý chuyên ngành xác nhận (*đối với tài sản kết cấu hạ tầng*), gửi Sở Tài chính xem xét, phê duyệt dữ liệu vào CSDL.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công được giao quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 186/2025/NĐ-CP, số 43/2022/NĐ-CP, số 44/2024/NĐ-CP, số 60/2024/NĐ-CP, số 77/2025/NĐ-CP; Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quy chế này.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.